

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Đoàn kiểm tra Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp tại tỉnh Bắc Ninh năm 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Giám định tư pháp (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 08/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp ở cấp Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-BCĐGDTP ngày 29/7/2019 của Ban chỉ đạo về việc kiện toàn Tổ thư ký giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp ở cấp Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-BTP ngày 05/5/2023 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp tại tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Quảng Nam năm 2023.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp tại tỉnh Bắc Ninh năm 2023.

Điều 2. Đối tượng, địa điểm, nội dung, thời kỳ kiểm tra, thời hạn kiểm tra

1. Đối tượng được kiểm tra: Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Ninh; Trung tâm Pháp y tỉnh Bắc Ninh; Phòng Kỹ thuật hình sự và Cơ quan điều tra thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh, Cục thuế và Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Bắc Ninh).

2. Địa điểm kiểm tra: Tại trụ sở UBND tỉnh Bắc Ninh và trụ sở các đơn vị được kiểm tra.

3. Nội dung kiểm tra

3.1. Tình hình triển khai thực hiện Đề án 250

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến, quán triệt, ban hành kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện Đề án 250;

- Công tác củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án ở địa phương;

- Công tác bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo nội dung Đề án 250 giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

3.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

3.3. Tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh.

3.4. Tình hình trung cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định; tình hình lập dự toán, cấp phát kinh phí, chi trả, thanh toán chi phí và bồi dưỡng giám định tư pháp; việc thông kê, báo cáo Bộ Công an và các cơ quan có liên quan về công tác giám định tư pháp; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình trung cầu giám định trong hoạt động điều tra và đánh giá, sử dụng kết luận giám định.

3.5. Đề xuất, kiến nghị nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả Đề án và hoàn thiện quy định pháp luật về giám định tư pháp, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động, quản lý giám định tư pháp để bảo đảm đáp ứng kịp thời, có chất lượng yêu cầu của hoạt động tố tụng.

3.6. Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện Đề án 250 và pháp luật về giám định tư pháp.

4. Thời kỳ kiểm tra: Từ ngày 28/02/2018 (ngày Đề án có hiệu lực thi hành) đến ngày 30/4/2023.

5. Thời hạn kiểm tra: Từ ngày 13/6/2023 đến hết ngày 16/6/2023 (04 ngày làm việc).

Điều 3. Thành phần Đoàn kiểm tra

1. Ông Mai Lương Khôi, Thứ trưởng Bộ Tư pháp - Trưởng đoàn;

2. Ông Đoàn Văn Hường, Phó Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp - Phó Trưởng đoàn;

3. Ông Lê Hồng Khang, Phó Vụ trưởng Vụ địa phương I, Ban Nội chính Trung ương - Thành viên;

4. Thiếu tướng Trần Văn Toàn, Phó chánh Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra, Bộ Công an - Thành viên;

5. Đại tá Lê Xuân Cường, Phó Viện trưởng Viện khoa học hình sự, Bộ Công an - Thành viên;

6. Bà Phạm Thị Thuỳ Linh, Trưởng phòng Vụ Pháp chế, Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Thành viên;

7. Ông Nông Ánh Dương, Chuyên viên cao cấp Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thành viên;

8. Bà Nguyễn Thuý Tuyết, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế, Bộ Giao thông vận tải - Thành viên.

9. Bà Bùi Thị Thanh Loan, Thẩm tra viên Vụ Giám đốc kiểm tra I, Tòa án nhân dân tối cao - Thành viên;

10. Ông Phan Công Hiếu, Chuyên viên Vụ Pháp chế, Bộ Y tế - Thành viên;

11. Ông Hồ Nguyễn Bình, Chuyên viên Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính - Thành viên;

12. Ông Lã Mạnh Chiến, Chuyên viên Cục Giám định về chất lượng về công trình xây dựng, Bộ Xây dựng - Thành viên;

13. Bà Nguyễn Thị Thuy, Trưởng phòng Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp - Thành viên kiêm Tổ trưởng Tổ Thư ký Đoàn kiểm tra;

14. Bà Nguyễn Thị Tú Quyên, chuyên viên Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp - Thư ký Đoàn kiểm tra;

15. Bà Lã Thị Vân Anh, Chuyên viên Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp - Thư ký Đoàn kiểm tra.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn kiểm tra

1. Nhiệm vụ của Đoàn kiểm tra

- a) Tổ chức thực hiện kiểm tra theo quyết định kiểm tra;
- b) Báo cáo người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra và đề xuất phương án xử lý;
- c) Sử dụng thông tin; sử dụng, bảo quản hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra theo quy định của pháp luật;
- d) Hoàn trả đầy đủ hồ sơ, tài liệu do đối tượng kiểm tra cung cấp.

2. Quyền hạn của Đoàn kiểm tra

- a) Yêu cầu đối tượng được kiểm tra trực tiếp làm việc hoặc cử người đại diện làm việc với Đoàn kiểm tra;
- b) Yêu cầu đối tượng được kiểm tra báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình những vấn đề có liên quan nội dung kiểm tra;
- c) Trường hợp cần thiết, Đoàn kiểm tra có thể tiến hành xác minh để làm rõ các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra;

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra

1. Quyền của đối tượng được kiểm tra

a) Được thông báo bằng văn bản về Kế hoạch, Quyết định kiểm tra, Kết luận kiểm tra;

b) Kiến nghị, giải trình về kết luận kiểm tra;

c) Khiếu nại đối với kết luận kiểm tra và các hành vi vi phạm hành chính của người có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại;

d) Tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm tra theo quy định của pháp luật về tố cáo;

Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Trách nhiệm của đối tượng kiểm tra

a) Chấp hành Quyết định và Kế hoạch kiểm tra;

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp; giải trình những vấn đề liên quan nội dung kiểm tra;

c) Chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý về kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của Đoàn kiểm tra trong Kết luận kiểm tra; chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ kết luận kiểm tra;

d) Phối hợp và tạo điều kiện cho Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Cục trưởng Cục Bảo trợ tư pháp, Chánh Văn phòng Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan có thành viên tham gia Đoàn kiểm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Phó Thủ tướng Chính phủ
Trần Lưu Quang (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tư pháp, Cục thuế, Sở Tài nguyên
và Môi trường và các tổ chức giám định
tư pháp tỉnh Bắc Ninh (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi